

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY LẠNG SƠN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY LẠNG SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4900799093

**3. Ngày thành lập:** 16/09/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Bản Trại, Xã Kháng Chiến, Huyện Tràng Định, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Điện thoại: 0253.883.789

Fax: 0253.883.789

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                      | 2012        |
| 2.  | Trồng rừng và chăm sóc rừng                                                              | 0210        |
| 3.  | Khai thác gỗ                                                                             | 0221        |
| 4.  | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ                                                            | 0222        |
| 5.  | Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác                                  | 0230        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                             | 0240        |
| 7.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                           | 1610        |
| 8.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                        | 1621        |
| 9.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                  | 1622        |
| 10. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                  | 1623        |
| 11. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện | 1629        |
| 12. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                           | 1701(Chính) |
| 13. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                      | 1702        |
| 14. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                         | 1709        |
| 15. | In ấn                                                                                    | 1811        |
| 16. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                 | 1812        |
| 17. | Sao chép bản ghi các loại                                                                | 1820        |
| 18. | Sản xuất than cốc                                                                        | 1910        |
| 19. | Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế                                                        | 1920        |
| 20. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                              | 5210        |
| 21. | Bốc xếp hàng hóa                                                                         | 5224        |
| 22. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                      | 4662        |
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                  | 4663        |

|     |                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                            | 4669 |
| 25. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                            | 4690 |
| 26. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                         | 4752 |
| 27. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                | 3100 |
| 28. | Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                           | 3230 |
| 29. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                                                                                   | 3240 |
| 30. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                        | 4100 |
| 31. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ                                                                                          | 4210 |
| 32. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                 | 4220 |
| 33. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                   | 4290 |
| 34. | Phá dỡ                                                                                                                                                                       | 4311 |
| 35. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                            | 4312 |
| 36. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                        | 4321 |
| 37. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                              | 4322 |
| 38. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                               | 4330 |
| 39. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                           | 4530 |
| 40. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                        | 4543 |
| 41. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                                    | 4610 |
| 42. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                       | 4620 |
| 43. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                 | 4631 |
| 44. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                           | 4632 |
| 45. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                             | 4633 |
| 46. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo                                                                                                                                        | 4634 |
| 47. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                         | 4641 |
| 48. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                           | 4649 |
| 49. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                          | 4651 |
| 50. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                           | 4652 |
| 51. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                       | 4653 |
| 52. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành in; phụ tùng, phụ liệu ngành in;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. | 4659 |
| 53. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                             | 4932 |
| 54. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                               | 4933 |

|     |                                                                                                                                                                                     |                                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 55. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Tạm nhập tái xuất, xuất nhập khẩu hàng hóa;<br>- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa. | 8299                                                                |
| 56. | (Ghi chú: Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)                             | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 16.000.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 100.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 160.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                       | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN TRƯỜNG GIANG | Số 04/04, đường Chu Văn An, khối 05, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông | 4.800      | 480.000.000           | 3,000     | 080760654                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                            | Tổng số           | 4.800      | 480.000.000           | 3,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | HOÀNG MINH HẰNG     | Số 25B, khu Lương Thực, khối 10, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông | 19.200     | 1.920.000.000         | 12,000    | 080935379                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                            | Tổng số           | 19.200     | 1.920.000.000         | 12,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THẠCH THẮNG  | Số 15, đường Hùng Vương, khối Hoàng Hoa Thám, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 136.000    | 13.600.000.000        | 85,000    | 080829490                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                            | Tổng số           | 136.000    | 13.600.000.000        | 85,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG MINH HẰNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/08/1972

Dân tộc: Tày

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 080935379

Ngày cấp: 22/06/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Lạng Sơn

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 25B, khu Lương Thực, khối 10, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 25B, khu Lương Thực, khối 10, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Lạng Sơn